TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Ma Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLST - HNGĐ ngày 29/3/2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tố Q, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Thôn Vĩnh B, xã Vinh Q, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Gia T, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn H, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tố Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Gia T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/8/2020 tại UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn H, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng sống bình thường, sau khi sinh con chung, đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là mâu

thuẫn về kinh tế, không tôn trong công việc và giá trị nhân phẩm của nhau, anh T thường xuyên đi uống rượu dẫn đến vợ chồng có cãi vã, xảy ra xô xát. Vợ chồng chị không chung sống với nhau từ ngày 27/3/2022 đến nay. Hiện nay anh T đi làm tự do ở ngoài và anh T đã sinh sống ở chỗ khác không còn chung sống với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Gia T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Gia T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Tố Q tự nguyện tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới vợ chồng anh sinh sống cùng nhà bố mẹ anh tại thôn H, xã Yên N, huyện Chiêm H. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến thời gian nào phát sinh mâu thuẫn anh không rõ. Khi sinh con chị Q sinh sống tại nhà cùng bố mẹ anh, còn anh đi làm xa nhà. Sau đó chị Q xuống Hà Nội làm công nhân, vợ chồng anh sinh sống cùng nhau và bố chị Q có tự nguyện xuống chăm sóc cháu Khang hộ vợ chồng anh. Khi xuống Hà Nội sinh sống thì chị Q và bố vợ anh bị Covid phải cách ly hơn chục ngày và anh phải lo kinh tế cho cả nhà. Bản thân anh đi làm công trình, còn chị Q đi làm công ty. Lần anh bị nhiễm bệnh Covid 19, anh có mệt mỏi và bảo chị Q làm việc cơm nước gia đình nhưng chị Q không làm dẫn đến vợ chồng cãi vã. Sau sự việc đó vợ chồng anh có ngồi nói chuyện với nhau, để khắc phục mâu thuẫn và xem ai sai ở đâu để xin lỗi. Trong cuộc sống hàng ngày, khi gia đình bố mẹ anh bị nhiễm bệnh Covid 19, chị Q không quan tâm đến người thân gia đình anh. Khi con ốm anh có nói chuyện với chị Q, nhưng chị Q nói là không biết hoặc có nói là không xin nghỉ được về để chăm con. Anh và chị Q đã sống ly thân từ cuối tháng 3/2022 đến nay.

Ngày 27/4/2022 chị Q có đến nhà anh để đón cháu K về nuôi dưỡng, thời điểm đó chỉ có mẹ anh và chị Q nói chuyện với nhau. Quá trình nói chuyện có xảy ra giằng co cháu Khang, mẹ anh bế cháu K chạy vào nhà, còn chị Q đạp cửa nhà, cửa phòng, quá trình giằng co chị Q có ghì tay vào cổ cháu K dẫn đến cháu K khóc tím tái và nôn ọe, mẹ anh sợ cháu chết nên có hô hàng xóm cứu, sau đó nhà anh có gọi cho người thân thì chị Q hất máy điện thoại và bỏ đi. Gia đình anh có gọi chính quyền địa phương, Công an xã đến làm việc. Thời điểm Công an viên và Bí thư thôn làm việc tại gia đình thì chị Q không có mặt. Sau đó Công an xã có xuống làm việc tại gia đình anh thì chị Q có mặt và Công an

có lập biên bản, khuyên giải chị Q xin lỗi bố mẹ anh, nhưng chị Q không xin lỗi. Chị Q có nói là xin bố mẹ không can thiệp vào việc của vợ chồng anh. Sau sự việc này, anh có mong muốn chị Q về xin lỗi bố mẹ anh và vợ chồng cùng nhau nói chuyện để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và có nguyện vọng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị Q cương quyết xin ly hôn thì anh vẫn không đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Anh và chị Q có 01 người con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021. Hiện nay đang ở với bố mẹ anh. Nếu bắt buộc phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghề nghiệp chính hiên nay của anh là làm công việc chống thấm và xử lý chống thấm trong xây dựng. Anh làm theo tổ đội Khôi Gia Khánh thuộc Viện khoa học xây dựng, địa chỉ: Số 81, phố Trần Cung, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Thu nhập bình quân một tháng là 15.000.000 đồng/tháng. Do hình thức công việc là tính theo sản phẩm nên hình thức trả công được thanh toán theo sản phẩm nên không có bảng lương nên anh không cung cấp được cho Tòa án.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/5/2022 nguyên đơn chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Gia T; chị Q cung cấp 01 Bản sao hợp đồng lao động số 20180545/2 giữa bên người sử dụng lao động: Công ty TNHH HOYA GLASS DISK Việt Nam và người lao động Trần Thị Tố Q; phiếu lương tháng 01/2022 thu nhập thực nhận là 7.127.895 đồng, tháng 02/2022 thu nhập thực nhận là 11.053.050 đồng, tháng 03/2022 thu nhập thực nhận là 9.885.110 đồng của họ tên nhân viên Trần Thị Tố Q.

Ngày 08/8/2022, bị đơn anh Phạm Gia T nộp đơn trình bày có nội dung là không nhất trí ly hôn với chị Q, có nguyện vọng được đoàn tụ với chị Q. Quá trình Tòa án giải quyết anh có tác động đến chị Q, cố gắng thuyết phục vợ chồng hàn gắn, có gọi điện, nhắn tin khuyên chị Q rút đơn nhưng chị Q đã chặn tất cả cuộc gọi điện thoại, zalo, facebook. Anh có gọi điện cho bố mẹ chị Q để tác động chị Q nhưng không ai nghe máy. Anh đã tác động nhưng chị Q không nghe máy và cương quyết làm theo ý mình. Bản thân anh sinh sống cùng bố mẹ tại thôn H, xã Yên N, huyện Chiêm H, quá trình nuôi con sẽ có ông bà phụ giúp chăm sóc con, nhà anh gần trường mầm non tiện cho việc con đi học. Về kinh tế, thu nhập hàng tháng của anh là 20.000.000 đồng/tháng, nhưng vì anh là lao động tự do nên không cung cấp được giấy tờ liên quan đến bảng lương. Bản thân chị Q sau sinh con thì chị rất vụng về trong cách chăm con và trong thời gian sống

ly thân chị Q không gửi tiền về chăm nuôi con. Khi con bị ốm sốt covit chị Q không chăm sóc con được ngày nào. Vì vậy, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Khang. Nếu không hòa giải được, anh đề nghị chị Q trả lại toàn bộ tiền sính lễ ăn hỏi. Nếu không được quyền nuôi con chung thì gia đình chị Q không được phép ngăn cản hay cấm đoán khi gia đình anh và bản thân anh sang thăm con, đón con về thăm ông bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cương quyết xin ly hôn với anh T, chị không còn tình cảm với anh T, không thể quay về chung sống được với nhau nữa. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, vay nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, anh thi thoảng có uống rượu, nhưng là quan hệ công việc, có mâu thuẫn trong công việc gia đình, anh nói chị Q không nghe nên có cãi chửi nhau, xô xát, có lần anh có cầm dao dọa chị Q, có lần vợ chồng cãi nhau tự chị Q đập đầu vào tường, chứ không phải anh đánh chị Q. Nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Q, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nên không nhất trí ly hôn. Về con chung anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu chị Q trả lại 02 chỉ vàng và 15.000.000 đồng tiền sính lễ cưới hỏi. Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 143, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tố Q được ly hôn với anh Phạm Gia T.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021 cho chị Trần Thị Tố Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Gia T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Q và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về yêu cầu trả 02 chỉ vàng và 15.000.000 đồng tiền sính lễ cưới hỏi của bị đơn, nhận thấy đây là thỏa thuận tiền sinh lễ theo phong tục địa phương nhằm mục đích tổ chức cưới hỏi, việc thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tố Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Trần Thị Tố Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Gia T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Tố Q và anh Phạm Gia T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2020 tại UBND xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị Q xác định đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn về kinh tế, không tôn trọng công việc và giá trị nhân phẩm của nhau, anh T thường xuyên đi uống rượu dẫn đến vợ chồng có cãi vã, xảy ra xô xát. Còn theo anh T thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến thời gian nào phát sinh mâu thuẫn thì anh không rõ nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T thi thoảng có uống rượu, nhưng là quan hệ công việc, có mâu thuẫn trong công việc gia đình, anh T nói chị Q không nghe nên có cãi chửi nhau, xô xát, có lần anh T có cầm dao dọa chị Q, có lần vợ chồng cãi nhau tự chị Q đập đầu vào tường, chứ không phải anh T đánh chị Q. Chị Q và anh T cùng xác định đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay và không còn quan hệ với nhau về kinh tế cũng như tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng chị Q, anh T có xảy ra mâu thuẫn với nhau. Anh T có trình bày có cố gắng thuyết phục, mong hàn gắn tình cảm với chị Q, nhưng chị Q cương quyết làm theo ý mình. Anh và chị Q không nói chuyện với nhau. Như vậy, chị Q và anh T đã không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế đã sống ly thân, không còn quan tân chung sống

cùng nhau từ tháng 3/2022 đến nay, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tố Q, xử cho chị Q được ly hôn với anh Phạm Gia T.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021. Chị Q và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của cả hai đương sự đều chính đáng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng"*. Thời điểm xét xử cháu Khang mới 01 tuổi 06 tháng 12 ngày, chị Q có công việc ổn định, có thu nhập bình quân là 9.355.351 đồng/tháng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q là giao cháu Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Q và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Các vấn đề khác: Bị đơn anh T có ý kiến nếu phải ly hôn, anh đề nghị chị Q trả lại 02 chỉ vàng và 15.000.000 đồng tiền sính lễ cưới hỏi. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị đòi tiền sinh lễ cưới hỏi của anh T trong Luật Hôn nhân gia đình không quy định. Việc thỏa thuận tiền sinh lễ là theo phong tục địa phương, dựa trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc thỏa thuận là do hai bên tự nguyện thực hiện, nhằm mục đích tổ chức cưới hỏi, thực tế hôn lễ giữa chị Q và anh T đã được tổ chức, xét việc tặng cho tiền sinh lễ khi kết hôn là do hai bên tự thỏa thuận về số tiền và hình thức trao và không có điều kiện khác. Do vậy, căn cứ theo Điều 457, 458 Bộ luật dân sự thì việc tặng cho này có hiệu lực từ thời điểm chị Q nhận sính lễ do anh Phạm Gia T đưa và xác lập quyền sở hữu tài sản là của chị Q, đồng thời anh T có ý kiến sau thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, ý kiến đề nghị đòi lại tiền sính lễ của anh T là không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Tố Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*;

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Tố Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tố Q được ly hôn với anh Phạm Gia T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 05/02/2021 cho chị Trần Thị Tố Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Phạm Gia T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Tố Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0005260 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Gia T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tố Q và anh Phạm Gia T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/8/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Yên Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Thị Thu **Ma Văn Sơn** **Hoàng Mạnh Tuấn**